

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN B Đ  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/DS-ST  
Ngày: 24/7/2020  
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B Đ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lâm Thị Chúc

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Điều Thị Hương và bà Lê Thị Lan.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đ, tỉnh Bình Phước tham gia phiên  
tòa:* Ông Đỗ Lâm Hiếu – chức vụ: Kiểm sát viên.

*Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nông Thúy Hằng;

Trong ngày 24 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B Đ, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2020/TLST-DS, ngày 27 tháng 4 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa ra xét xử số: 18/2020/QĐXX- ST ngày 19 tháng 6 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2020/QĐST –DS giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị T, sinh năm: 1971 – (có mặt);
  - Bị đơn: Bà Trương Thị Ngọc B, sinh năm: 1971 – (có mặt);
  - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Văn N, sinh năm: 1964 – vắng mặt.
  - Người làm chứng: Anh Huỳnh Hữu Th, sinh năm: 1992 – có mặt
- Cùng địa chỉ: Ấp T Ph, xã TT, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn yêu cầu khởi kiện đề ngày 30/3/2020 cùng các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn Bà Hoàng Thị T trình bày: Vào ngày 08/3/2019 Bà Trương Thị Ngọc B có vay của bà T số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) để xoay sở việc riêng lãi suất hai bên thỏa thuận là 70%/ tháng, có hẹn khi nào bà T lấy tiền thì báo trước cho bà Bình 01 tháng sẽ trả, đến nay bà T đã đòi bà B nhiều lần nhưng bà B vẫn chưa trả. Nay bà T đề nghị Tòa án nhân dân huyện B Đ giải quyết buộc Bà Trương Thị Ngọc B và Ông Huỳnh Văn N phải có nghĩa vụ liền đới trả cho bà T số

tiền gốc 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu) và yêu cầu tính lãi kể từ sau khi xét xử sơ thẩm

Ngoài ra bà T không có yêu cầu gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà B, ông N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 vẫn vắng mặt. Vì vậy tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại biên bản lấy lời khai của ngày 16/6/2020 và phiên tòa bị đơn Bà Trương Thị Ngọc B trình bày: Bà B thừa nhận lời trình bày của bà T là hoàn toàn đúng, bà B đồng ý trả bà T số tiền còn thiếu nợ là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu). Do số tiền này bà T vay sử dụng vào việc riêng ông N chồng bà hoàn toàn không biết. Vì vậy bà không yêu cầu ông N phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà trả cho bà T số tiền trên đồng thời bà B yêu cầu trả được trả thành nhiều lần trong năm mỗi năm 20.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Huỳnh Văn N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án không tiến hành cho ông N tự viết lời khai trình bày ý kiến của mình được.

Người làm chứng: Anh Huỳnh Hữu Th trình bày: Anh Th và bà B ông N có mối quan hệ là cha, mẹ con ruột, anh Th có chứng kiến việc vay mượn tiền giữa bà T và bà B. Việc bà B mẹ anh Th vay mượn tiền của bà T cha ông là Huỳnh Văn N hoàn toàn không biết. Theo anh Th được biết khoản tiền này bà B vay để sử dụng vào việc riêng chứ không sử dụng chung trong gia đình. Ngoài ra anh không có ý kiến gì thêm.

Tòa án đã triệu tập các bên tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ cũng như phiên hòa giải, cho các bên thống nhất giải quyết các vấn đề của vụ án nhưng bà B, ông N vắng mặt nên tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn Bà Hoàng Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu Bà Trương Thị Ngọc B và Ông Huỳnh Văn N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền nợ gốc 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu) yêu cầu tính lãi kể từ sau khi xét xử sơ thẩm .

Ngoài ra bà T không có yêu cầu gì khác.

- Bị đơn Bà Trương Thị Ngọc B đồng ý trả Bà Hoàng Thị T số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu), yêu cầu trả được trả thành nhiều lần trong năm mỗi năm 20.000.000 đồng cho đến khi trả hết số nợ. Không đồng ý ý kiến của bà T buộc ông Huỳnh Văn N phải có nghĩa vụ cùng bà B trả số tiền trên cho bà T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Văn N vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án ông N không có ý kiến gì.

+ Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án tuân thủ và chấp hành đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm nào.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của nguyên đơn Bà Hoàng Thị T đối với bị đơn Bà Trương Thị Ngọc B.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn Bà Hoàng Thị T thuộc trường hợp “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện B Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B Đ được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Huỳnh Văn N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt. Theo qui định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo qui định của pháp luật.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Theo lời trình bày của nguyên đơn Bà Hoàng Thị T thì vào ngày 08/3/2019 Bà Trương Thị Ngọc B có vay của bà T số tiền 60.000.000 đồng, có làm giấy vay mượn. Khi vay tiền các bên có thỏa thuận lãi suất 70%/tháng, thời hạn vay là khi nào bà T cần lấy tiền thì báo trước cho bà B 01 tháng nên đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn có lãi quy định tại khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự 2015.

[3.2] Xét giấy mượn tiền Bà Trương Thị Ngọc B là người trực tiếp ký giấy vay, ông Thanh là con trai bà B chứng kiến việc vay mượn ông Thanh xác nhận việc bà B vay khoản tiền trên của bà T là để sử dụng vào việc riêng nên ông N không biết và cũng không chứng kiến việc vay mượn này. Tuy bà B, ông N là vợ chồng xong việc bà B vay mượn tiền bà T ông N hoàn toàn không biết vì số tiền trên bà B vay sử dụng vào mục đích riêng không sử dụng chung trong gia đình. Vì vậy yêu cầu của bà T yêu cầu ông N phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà B trả số tiền trên cho bà T là không có căn cứ. Hội đồng xét thấy cần buộc bà B có nghĩa vụ trả bà T số tiền gốc 60.000.000 đồng là hoàn toàn phù hợp với các qui định của pháp luật.

Xét yêu cầu của Bà Trương Thị Ngọc B yêu cầu trả bà T số tiền 60.000.000 đồng thành nhiều lần trong năm, mỗi năm 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) cho đến khi trả hết số nợ là không có cơ sở chấp nhận bởi lẽ: Trong giấy vay tiền ngày

08/3/2019 bà T và bà B không thỏa thuận các điều kiện trên. Vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của bà B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Ông Huỳnh Văn N vắng mặt và không có ý kiến hay yêu cầu gì. HĐXX không xét.

Người làm chứng anh Huỳnh Hữu Th không có yêu cầu gì. Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn Bà Hoàng Thị T được chấp nhận nên bị đơn Bà Trương Thị Ngọc B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật được tính như sau:  $60.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.000.000 \text{ đồng}$  (ba triệu đồng).

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Các điều 463, 466, 467, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 271, 273, 147, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Hoàng Thị T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn Bà Trương Thị Ngọc B.

Buộc Bà Trương Thị Ngọc B phải có nghĩa vụ trả cho Bà Hoàng Thị T số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu).

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bà B còn phải trả cho bà T tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[2]. Về án phí DSST: Bà Trương Thị Ngọc B phải chịu 3.000.000 đồng (ba triệu).

Chi cục thi hành án dân sự huyện B Đ, tỉnh Bình Phước hoàn trả lại Bà Hoàng Thị T số tiền tạm ứng án phí 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn) bà T đã nộp ngày 27/4/2020 theo biên lai thu tiền số 0017260.

[3]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**Nơi nhân:**

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B Đ;
- Chi cục THADS huyện B Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Lâm Thị Chúc**